


## 5. HUYỆN HOÀNH BÒ

### A. BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ: THỊ TRẤN TRỜI - ĐÔ THỊ LOẠI V


STT	CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	HỆ SỐ (LẦN)
1	<b>Các mục: 1 (từ 1.1 đến 1.7) ; 3 (từ 3.1 đến 3.6)</b> trong bảng giá đất 5 năm [Tuyến đường Hữu Nghị (QL 279): Từ giáp ranh xã Việt Hưng (TP Hạ Long) đến hết địa phận thị trấn Trời đi xã Dân Chủ; Tuyến đường Nguyễn Trãi (TL326) giáp với QL 279: Từ ngã 3 Bệnh viện nhà ông Tuấn Cẩm đến hết địa phận thị trấn giáp ranh xã Sơn Dương đường đi xã Thống Nhất]	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
1.3	Đường nhánh rộng từ 2m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,5
1.4	Đường nhánh rộng dưới 2m (vị trí 4)	1,2
1.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,0
2	<b>Mục 2 (2.1; 2.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm [Tuyến đường nhánh dọc theo hai bên đường Hữu Nghị (QL 279)]	2,0
3	<b>Các mục: 4 (từ 4.1 đến 4.8); 5.4; 5.5; 5.6</b> trong bảng giá đất 5 năm	
3.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,0
3.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,6
3.3	Đường nhánh rộng từ 2m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,5
3.4	Đường nhánh rộng dưới 2m (vị trí 4)	1,2
3.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
4	<b>Các mục: 5.1; 5.2; 5.3</b> trong bảng giá đất 5 năm	
4.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,3
4.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
4.3	Đường nhánh rộng từ 2m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,5
4.4	Đường nhánh rộng dưới 2m (vị trí 4)	1,2
4.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
5	<b>Mục 6 (6.1; 6.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các ô đất ở thuộc dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên cụm công nghiệp Hoành Bò của Công ty TNHH Bảo Long)	1,2
6	<b>Mục 7 (7.1; 7.2.1; 7.2.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm (Quy hoạch khu dân cư Tây cầu Trời)	1,7

STT	CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	HỆ SỐ (LẦN)
7	<b>Mục 8</b> trong bảng giá đất 5 năm [Tỉnh lộ 328 (đường Trới - Vũ Oai cũ), đoạn giáp ranh phường Việt Hưng, TP. Hà Long đến giáp ranh xã Lê Lợi]	
7.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,0
7.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,7
7.3	Đường nhánh rộng từ 2m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,5
7.4	Đường nhánh rộng dưới 2m (vị trí 4)	1,2
7.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
8	<b>Mục 9</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các ô đất ở thuộc dự án khu nhà ở cán bộ, công nhân viên Xí nghiệp Than Hoàn Bô tại khu 10, thị trấn Trới)	1,2

STT	 <b>CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019</b>	HỆ SỐ (LÀN)
IV	<b>XÃ QUẢNG LA (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Mục 1.1; 1.2; 1.3</b> trong bảng giá đất 5 năm [Đất ở dân cư bám theo trục đường Quốc lộ 279 (qua khu vực trung tâm xã)]	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	3,0
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Mục 2.1; 2.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư không nằm trong trung tâm xã có cơ sở hạ tầng khá thuận lợi)	
2.2	Mặt đường chính (vị trí 1)	1,5
2.3	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,3
2.4	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
2.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
3	<b>Mục 3.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ có khuôn viên đất ở bám trục đường thôn - Mặt đường chính)	1,2
4	<b>Mục 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ còn lại)	1,1
V	<b>XÃ DÂN CHỦ (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Mục 1.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư khu vực trung tâm xã bám theo trục đường Quốc lộ 279)	
1.2	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
1.3	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
1.4	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Mục 1.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư khu vực trung tâm xã bám theo trục đường Quốc lộ 279)	
2.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	3,0
2.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
2.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
2.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
3	<b>Mục 2.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư có khuôn viên bám trục đường thôn, xóm - Mặt đường chính)	1,2
4	<b>Mục 2.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ còn lại)	1,1

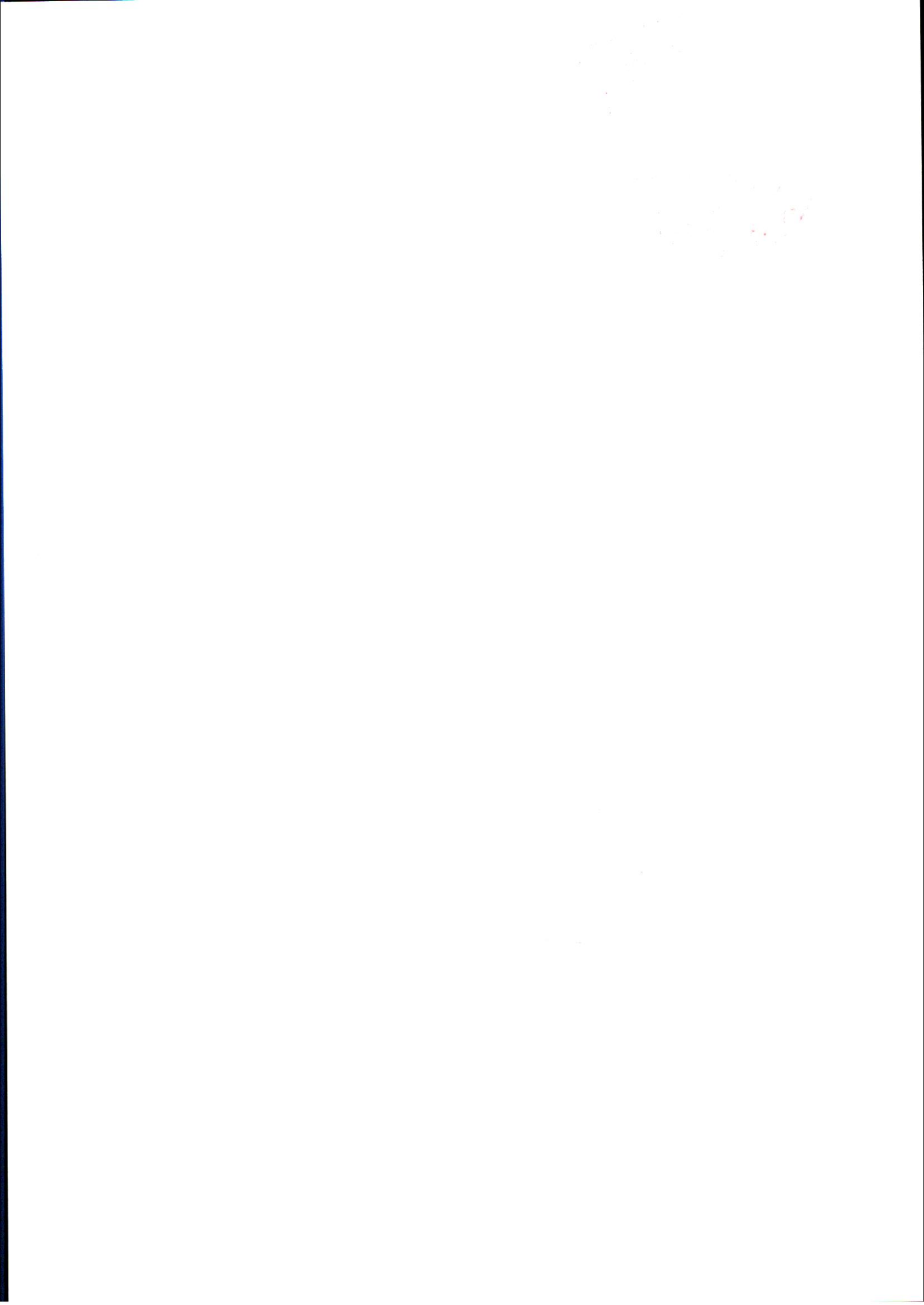
STT	CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	HỆ SỐ (LẦN)
<b>VI</b>	<b>XÃ BẢNG CẢ (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Mục 1 (1.1)</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở khu vực trung tâm xã tính theo trục đường chính của xã)	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Các mục: 2.1; 2.2; 3.1; 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Trục đường chính của xã liền kề với đất ở khu vực trung tâm xã; Đất ở dân cư các khu còn lại)	
2.1	Mặt đường chính	1,2
2.2	Các đường nhánh và các vị trí còn lại	1,1
<b>VII</b>	<b>XÃ TÂN DÂN (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Các mục: 1.1; 1.2; 2.1</b> trong bảng giá đất 5 năm [Đất ở bám theo trục đường Quốc lộ 279 (qua khu vực trung tâm xã); Đất ở khu vực liền kề với trung tâm xã bám theo trục đường Quốc lộ 279]	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Mục 3.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở có khuôn viên bám trục đường thôn Khe cát Đồng Mùng sau đất ở nhà ông Liên Anh đến hết ranh giới đất ở nhà thầy giáo Thuận - Mặt đường chính)	1,2
3	<b>Mục 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ còn lại)	1,1
<b>VIII</b>	<b>XÃ VŨ OAI (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Các mục: 1.1; 1.2; 1.3</b> trong bảng giá đất 5 năm	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	1,5
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,4
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,3
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Mục 1.4</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ có đất ở trong mặt bằng quy hoạch tái định cư tập trung thôn Đồng Sang)	1,0
3	<b>Các mục 2.1; 2.2; 2.3</b> trong bảng giá đất 5 năm [Đất ở dân cư tính theo trục đường tỉnh lộ 326 (qua khu vực trung tâm xã)]	

**B. BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

		CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	HỆ SỐ (LẦN)
<b>XÃ LÊ LỢI (XÃ TRUNG DU)</b>			
1	<b>Các mục: từ 1.1 đến 1.3; từ 1.5 đến 1.10; từ 2.1 đến 2.6; từ 2.8 đến 2.16</b> trong bảng giá đất 5 năm		
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)		2,0
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)		1,5
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)		1,3
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)		1,1
2	<b>Mục 1.4</b> trong bảng giá đất 5 năm		
2.1	Mặt đường chính (vị trí 1)		2,5
2.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)		2,0
2.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)		1,5
2.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)		1,1
3	<b>Mục 3 (3.1;3.2;3.3;3.4.1;3.4.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các vị trí còn lại)		
3.1	Mặt đường chính (Vị trí 1); Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2); Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)		1,2
3.2	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)		1,1
4	<b>Mục 2.7</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở trong khu tái định cư Bắc cửa lục)		1,9
5	<b>Mục 1.11(1.11.1; 1.11.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các ô đất ở thuộc dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên cụm công nghiệp Hoàn Bồ của Công ty TNHH Bảo Long)		1,2
<b>II XÃ THỐNG NHẤT (XÃ TRUNG DU)</b>			
1	<b>Các mục: 1.1; 1.2; từ 1.3.2 đến 1.3.3; từ 1.7 đến 1.9; 2.6 (2.6.1; 2.6.2)</b> trong bảng giá đất 5 năm		
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)		2,0
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)		1,5
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)		1,3
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)		1,1
2	<b>Các mục: 1.3.1; 1.4; 1.5; từ 2.1 đến 2.5; từ 3.3 đến 3.8</b> trong bảng giá đất 5 năm		
2.1	Mặt đường chính (vị trí 1)		1,5
2.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)		1,4

STT	CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	HỆ SỐ (LẦN)
2.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,3
2.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
3	<b>Các mục: 1.6; 3.1; 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm	
3.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
3.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
3.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,3
3.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
4	<b>Mục 4.1.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ có đất ở bám trục đường thôn - Mặt đường chính)	1,2
5	<b>Mục 4.1.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ còn lại)	1,1
<b>III</b>	<b>XÃ SƠN DƯƠNG (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Các mục: từ 1.1 đến 1.4</b> trong bảng giá đất 5 năm	
1.2	Mặt đường chính (vị trí 1)	3,0
1.3	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
1.4	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.5	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Các mục 2.1; 2.4; 2.5;</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư trong phạm vi khu quy hoạch trung tâm xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch)	
2.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,0
2.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
2.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
2.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
3	<b>Các mục 2.2; 2.3</b> trong bảng giá đất 5 năm (Khu vực không thuộc trung tâm xã, có điều kiện cơ sở hạ tầng khá thuận lợi)	
3.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	1,8
3.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
3.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
3.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
4	<b>Mục 3.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ có khuôn viên đất ở bám trục đường thôn Đồng Vang-Hà Lũng - Mặt đường chính)	1,2
5	<b>Mục 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ còn lại)	1,1

CÁC MỤC TÊN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019		HỆ SỐ (LẦN)
3.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
3.2.1	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
3.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
3.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
4	<b>Các mục 2.4; 2.5; 2.6</b> trong bảng giá đất 5 năm [Đất ở dân cư tính theo trục đường tỉnh lộ 326 (qua khu vực trung tâm xã)]	
4.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	1,8
4.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	1,5
4.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
4.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
5	<b>Mục 3.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ có khuôn viên bám trục đường thôn, xóm: Thôn Đồng Chùa, Khe Cháy - Mặt đường chính)	1,2
6	<b>Mục 3.2</b> trong bảng giá đất 5 năm [Các vị trí còn lại (bao gồm các thôn, bản trong địa bàn xã)]	1,1
<b>IX</b>	<b>XÃ HÒA BÌNH (XÃ MIỀN NÚI)</b>	
1	<b>Mục 1.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Đất ở dân cư theo trục đường tỉnh lộ 326)	
1.1	Mặt đường chính (vị trí 1)	2,5
1.2	Đường nhánh rộng từ 3m trở lên (vị trí 2)	2,0
1.3	Đường nhánh rộng từ 1,5m đến dưới 3m (vị trí 3)	1,2
1.4	Vị trí còn lại (các vị trí còn lại)	1,1
2	<b>Mục 2.1</b> trong bảng giá đất 5 năm (Các hộ đất ở bám trục đường thôn, xóm: Lối rẽ từ cổng trường tiểu học đến cảng Cái Món - Mặt đường chính)	1,2
3	<b>Mục 2.2</b> trong bảng giá đất 5 năm [Các vị trí còn lại (bao gồm các thôn, bản trong địa bàn xã)]	1,1
<b>X</b>	<b>XÃ ĐỒNG LÂM (XÃ MIỀN NÚI- 135)</b>	
1	Tất cả các mục trong xã trong bảng giá đất 5 năm	1,0
<b>XI</b>	<b>XÃ ĐỒNG SƠN (XÃ MIỀN NÚI-135)</b>	
1	Tất cả các mục trong xã trong bảng giá đất 5 năm	1,0
<b>XII</b>	<b>XÃ KỲ THƯỢNG (XÃ MIỀN NÚI-135)</b>	
1	Tất cả các mục trong xã trong bảng giá đất 5 năm	1,0






## 6. THỊ XÃ QUẢNG YÊN


### A. BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ - ĐÔ THỊ LOẠI IV

STT	VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG QUẢNG YÊN - ĐÔ THỊ LOẠI IV</b>		
1		<b>Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Phà Rừng)</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường tuyến phố Lê Lợi	1,8
1.2	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>2.1 (mục 2.1.1); 2.2</b>	Các thửa đất bám trục đường tuyến phố Trần Khánh Dư	1,6
1.3	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>19 (từ 19.1 đến 19.4)</b>	Các thửa đất bám trục đường tuyến phố Trần Nhân Tông	1,7
1.4	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>25 (từ 25.1 đến 25.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường tuyến phố Nguyễn Bình	1,8
2		<b>Trục đường Tỉnh lộ 338 (tuyến Cầu Sông Chanh - Ưông Bí)</b>	
2.1	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>28 (từ 28.1 đến 28.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường Tỉnh lộ 338	1,8
3		<b>Các tuyến phố khác</b>	
3.1	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>6 (từ 6.1 đến 6.2); 10 (từ 10.1 đến 10.2); 13; 16)</b>	Các thửa đất bám mặt đường các tuyến phố: Nguyễn Du, Quang Trung, đường Bến Than, bắc Chợ Rừng	1,7
3.2	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>3 (từ 3.1 đến 3.4); 4 (từ 4.1 đến 4.4); 7; 8 (từ 8.1 đến 8.2); 9; 11 (từ 11.1 đến 11.2); 12; 14 (từ 14.1 đến 14.2); 15)</b>	Các thửa đất bám mặt đường các tuyến phố: Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Đinh Tiên Hoàng, đường vào Sư đoàn 395, bắc Đường than	
3.2.1	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>3 (từ 3.1 đến 3.4); 4 (từ 4.1 đến 4.4); 7; 8 (từ 8.1 đến 8.2); 9; 11 (từ 11.1 đến 11.2); 12; 15)</b>	Các thửa đất bám mặt đường các tuyến phố: Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Đinh Tiên Hoàng, bắc Đường than	1,6
3.2.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>14 (từ 14.1 đến 14.2)</b>	Các thửa đất bám mặt đường vào Sư đoàn 395	1,4
3.3	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>2.1.2; 5 (từ 5.1 đến 5.4); 17; 18; 20; 21; 23; 25.3; 26 và Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố</b>	Các thửa đất bám mặt các tuyến phố còn lại và các tuyến đường: có mặt đường rộng từ 3m trở lên	1,6
3.4	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các thửa đất bám mặt các tuyến phố còn lại và các tuyến đường: có mặt đường rộng từ 2m đến nhỏ hơn 3m	1,4

STT	VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
4	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>22; 24; 29; 30</b>	Thửa đất các khu dân cư thuộc: Tây Chợ Rừng, bắc cầu Sông Chanh và đầm Tài Thời, Dự án Vinadeco, Dự án đầm Liên Minh	
4.1	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>22; 29; 30</b>	Thửa đất thuộc các khu dân cư: Tây Chợ Rừng, bắc cầu Sông Chanh, dự án Vinadeco, dự án đầm Liên Minh	1,6
4.2	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>24</b>	Thửa đất thuộc khu dân cư: Đầm Tài Thời	1,3
5	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>1 (từ 1.3 đến 1.4)</b>	Các thửa đất thuộc khu dân cư Dự án đầm Âu Rạp	1,2
6	Vị trí 1 thuộc các mục: <b>27 (từ 27.1 đến 27.2) và các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>II PHƯỜNG MINH THÀNH - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>			
1		<b>Trục đường Quốc lộ 18A</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.4)</b>	Các thửa đất bám trục đường 18A từ giáp phường Đông Mai đến hết địa phận phường Minh Thành	
1.1.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (mục 1.1; 1.3; 1.4)</b>	Các thửa đất bám trục đường: đoạn giáp địa phận phường Đông Mai đến nhà anh Tín; đoạn từ nhà bà Hưởng đến cầu Khe Cát và đoạn từ cầu Khe Cát đến giáp với tuyến tránh đường 18 mới	1,3
1.1.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (mục 1.2)</b>	Các thửa đất bám mặt đường: đoạn từ nhà ông Lốp đến nhà Hòa Phát (đường vào cơ quan Lâm Sinh)	1,7
1.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (mục 1.5 từ 1.5.1 đến 1.5.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường: tuyến tránh Quốc lộ 18 mới: đoạn đường từ chợ Minh Thành nhà ông Tinh Hòa đến giáp thành phố Hạ Long	
1.2.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1.5 (mục 1.5.1)</b>	Các thửa bám mặt đường: đoạn đường vào chợ Minh Thành đến cầu qua mương tuyến tránh quốc lộ 18A	1,6
1.2.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1.5 (mục 1.5.2)</b>	Các thửa đất bám mặt đường: đoạn cầu qua mương tuyến tránh quốc lộ 18A đến giáp thành phố Hạ Long	1,5
2		<b>Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Bến Rừng)</b>	
2.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.4)</b>	Các thửa đất bám trục đường tiếp giáp với đường 18A đến ngã ba Biểu Nghi đường 10 cũ	1,8
2.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>2 (mục 2.5)</b>	Các thửa đất bám trục đường từ ngã ba đường 10 (cũ) đến lổ rẽ vào Trại Hùi (khu phố Động Linh)	1,4
3	Vị trí 1 thuộc mục: <b>3</b>	<b>Trục đường nhánh đi Uông Bí (đường 10 cũ) và nhánh đường 18A (cũ):</b> Các thửa đất bám trục đường	1,6

 <b>VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019</b>		TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LÀN)
4	Vị trí 1 thuộc mục: 4 (từ 4.1 đến 4.4)	Trục đường các khu phố: Km11, Tân Thành, Lâm Sinh 1, Lâm Sinh 2, Cát Thành, Khe Cát, Quỳnh Phú, Động Linh, Yên Lập Đông, Yên Lập Tây, đường G&A: các thửa đất bám trục đường	
4.1	Vị trí 1 thuộc mục: 4 (từ 4.1 đến 4.3)	Trục đường các khu phố: Km11, Cát Thành, Khe Cát, Quỳnh Phú, Động Linh, Yên Lập Đông, Yên Lập Tây, đường G&A	1,6
4.2	Vị trí 1 thuộc mục: 4 (mục 4.4)	Các thửa đất tuyến khu phố Lâm Sinh 1, Lâm Sinh 2, Tân Thành	1,4
5	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,6
6	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,5
7	Vị trí 1 thuộc mục: 5 (từ 5.1 đến 5.2) và Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,3
<b>III</b>	<b>PHƯỜNG ĐÔNG MAI - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1	Vị trí 1 thuộc mục: 1 (từ 1.1 đến 1.2)	<b>Trục đường Quốc lộ 18A:</b> Các thửa đất bám mặt đường	1,3
2	Vị trí 1 thuộc mục: 2 (từ 2.1 đến 2.2)	<b>Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Bến Rừng):</b> Các thửa đất bám mặt đường	1,4
3	Vị trí 1 thuộc mục: 6	<b>Trục đường Tỉnh lộ 338 (tuyến Cầu Sông Chanh - Uông Bí):</b> thửa đất bám trục đường; gồm cả khu dân cư Ba Đương	1,5
4	Vị trí 1 thuộc mục: 3; 4	<b>Trục đường nhánh đi Uông Bí (đường 10 cũ) và nhánh đường 18A (cũ):</b> Các thửa đất bám trục đường	1,6
5	Vị trí 1 thuộc mục: 5 (từ 5.1 đến 5.2)	<b>Trục đường các khu phố thuộc phường:</b> Thửa đất bám trục đường	1,6
6	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,4
7	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,3
8	<b>Các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>IV</b>	<b>PHƯỜNG CỘNG HÒA - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1	Vị trí 1 thuộc mục: 1 (từ 1.1 đến 1.2)	<b>Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Bến Rừng):</b> các thửa đất bám mặt đường	1,6
2	Vị trí 2 thuộc mục: 2 (từ 2.1 đến 2.2)	<b>Trục đường Cộng Đồng - Dốc Vông:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,5
3	Vị trí 2 thuộc mục: 1; 3; 4; 5	<b>Trục đường các khu phố thuộc phường:</b> Thửa đất bám trục đường	1,5
4	Vị trí 1 thuộc mục: 6	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,5

STT	VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
5	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường	1,3
6	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>V</b>	<b>PHƯỜNG YÊN GIANG - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1		Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Phà Rừng)	
1.1	Vị trí 1 thuộc mục: 1 (mục 1.1)	Các thửa đất bám mặt trục đường đoạn từ giáp phường Quảng Yên đến Xí nghiệp xe máy Quảng Sơn	1,6
1.2	Vị trí 1 thuộc mục: 1 (từ 1.2 đến 1.3)	Các thửa đất bám trục đường đoạn từ tiếp giáp Xí nghiệp xe máy Quảng Sơn đến Bến Rừng	1,5
2	Vị trí 1 thuộc mục: 9	Trục đường Tỉnh lộ 338 (tuyến Cầu Sông Chanh - Uông Bí): thửa đất bám mặt đường	1,8
3	Vị trí 1 thuộc các mục: 2 (từ 2.1 đến 2.2); 3 (từ 3.1 đến 3.2); 4; 5; 6; 7; 8	Các tuyến phố thuộc phường: các thửa đất bám mặt đường phố	
3.1	Vị trí 1 thuộc các mục: 2 (từ 2.1 đến 2.2); 3.2; 4; 5; 6; 7; 8	Các tuyến phố thuộc phường: các thửa đất bám mặt đường phố	1,5
3.2	Vị trí 1 thuộc mục: 3.1	Tuyến phố thuộc phường: các thửa đất bám mặt đường phố	1,3
4	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên: Các thửa đất bám trục đường	1,5
5	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường	1,3
6	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>VI</b>	<b>PHƯỜNG HÀ AN - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1	Vị trí 1 thuộc các trục đường, tuyến phố	Trục đường liên xã từ giáp xã Tiên An đến bến đò và trục đường phố chính phường Hà An: thửa đất bám mặt đường	1,5
2	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên: Các thửa đất bám trục đường	1,3
3	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường	1,2
4	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>VII</b>	<b>PHƯỜNG TÂN AN - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 1 (từ 1.1 đến 1.2)	Trục đường Chợ Rộc - Bến Giang: thửa đất bám mặt đường	1,8
2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 2	Trục đường Minh Thành - Tân An: thửa đất bám mặt đường	1,3
3	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm các mục: 1; 2; 3	Trục đường các khu phố thuộc phường: thửa đất bám mặt đường	1,4

 <b>VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019</b>		TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
4	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên: Các thửa đất bám trục đường</b>	1,4
5	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường</b>	1,3
6	<b>Các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>VIII PHƯỜNG NAM HÒA - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>			
1		<b>Trục đường thị xã</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường cầu Chanh đi Yên Hải đến hết địa phận phường	1,8
1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.4)</b>	Các thửa đất bám trục đường Cầu Chanh đi Cẩm La hết địa phận phường	1,8
2	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3); 2 (từ 2.1 đến 2.2); 3 (từ 3.1 đến 3.2)</b>	<b>Các tuyến đường liên khu phố: thửa đất bám mặt đường</b>	1,5
3	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên: Các thửa đất bám trục đường</b>	1,5
4	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường</b>	1,3
5	<b>Các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>IX PHƯỜNG YÊN HẢI - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>			
1		<b>Trục đường thị xã cầu Chanh đi Liên Vị</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3)</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn tiếp giáp Nam Hòa đến hết Yên Hải	
1.1.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn từ giáp phường Nam Hòa đến đầu cầu chợ Đông	1,8
1.1.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1.3</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn từ đầu cầu chợ Đông đến hết địa phận phường Yên Hải	2,0
2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.3)</b> và <b>Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố</b>	<b>Các tuyến đường liên khu phố: thửa đất bám mặt đường</b>	
2.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.3)</b>	Các tuyến đường liên khu phố	1,5
2.2	Vị trí 2 thuộc mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3)</b>	Trục đường cầu Chanh - Liên Vị	1,5
2.3	Vị trí 2 thuộc các tuyến đường liên khu phố còn lại	<b>Các tuyến đường liên khu phố: thửa đất bám mặt đường rộng từ 3m trở lên</b>	1,2
3	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường</b>	1,3


STT	VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LÀN)
4	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>X</b>	<b>PHƯỜNG PHONG HẢI - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1		<b>Trục đường thị xã cầu Chanh đi Liên Vị</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3)</b>	Các thửa đất bám trục đường: đoạn tiếp giáp Phong Cốc đến ngã ba Cầu Ván	2,0
1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.4 đến 1.5)</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn từ ngã ba Cầu Ván đến hết địa phận phường	2,2
2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.2)</b>	<b>Trục đường ngã ba Cầu Ván đi bên đò Phong Hải và trục đường đi Công Mương:</b> các thửa đất bám mặt đường	2,2
3	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3); 2 (từ 2.1 đến 2.2)</b> và Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các tuyến đường liên khu phố</b>	1,5
4	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố còn lại	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,3
5	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>XI</b>	<b>PHƯỜNG PHONG CỐC - ĐÔ THỊ LOẠI V</b>		
1		<b>Trục đường thị xã</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (mục 1.1)</b>	Các thửa đất bám trục đường Cầu Chanh đi Liên Vị; đoạn tiếp giáp Yên Hải đến tiếp giáp Cầu Miếu	2,0
1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.2 đến 1.3)</b>	Các thửa đất bám trục đường Cầu Chanh đi Liên Vị; đoạn từ tiếp giáp Cầu Miếu đến hết địa phận phường	2,0
1.3	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường Bến Chanh đi Cẩm La đến hết địa phận phường	2,0
2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>3</b>	<b>Trục đường Cầu Miếu - Vị Khê:</b> Các thửa đất bám mặt đường hết địa phận phường	1,8
3	Vị trí 2 thuộc Phần I gồm mục: <b>3</b>	<b>Trục đường Cầu Miếu - Vị Khê</b>	1,4
4	Vị trí 1 thuộc Phần II mục: 7 và mục 8; Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố còn lại	<b>Đường vào chợ Địa Cốc và khu dân cư chợ Địa Cốc</b>	1,6
5	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1;2;3;4;5;6</b>	<b>Các tuyến đường liên khu phố:</b> thửa đất bám mặt đường	1,5
6	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,5
7	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2



**B. BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019		TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
<b>I XÃ CẨM LA (XÃ ĐỒNG BẰNG)</b>			
1		<b>Trục đường thị xã</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3)</b>	Các thửa đất bám trục đường Bến Chanh đi Cẩm La hết địa phận xã	1,5
1.2	Vị trí 1 thuộc mục: <b>2 (từ 2.1 đến 2.2)</b>	<b>Các tuyến đường liên xã:</b> thửa đất bám mặt đường	1,5
2	Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 3m trở lên:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,5
3	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,3
4	<b>Các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>II XÃ LIÊN HÒA (XÃ ĐỒNG BẰNG)</b>			
1		<b>Trục đường thị xã cầu Chanh đi Liên Vị</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.3); 2</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn tiếp giáp Phong Hải đến hết địa phận xã	
1.1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (mục 1.1)</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn tiếp giáp Phong Hải đến kênh N31	2,0
1.1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.2 đến 1.3); 2</b>	Các thửa đất bám trục đường đoạn giáp kênh N31 đến hết địa phận xã	1,5
2	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục <b>1</b> Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các tuyến đường liên xã:</b> thửa đất bám mặt đường	1,5
3	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường	1,3
4	<b>Các vị trí còn lại</b>	<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>	1,2
<b>III XÃ LIÊN VỊ (XÃ ĐỒNG BẰNG)</b>			
1		<b>Trục đường xã</b>	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.2)</b>	Các thửa đất bám trục đường giáp xã Liên Hòa đến hết thôn Vị Dương	1,8
1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (mục 1.3); 2</b>	Các thửa đất bám trục đường thôn Vị Khê (thuộc thôn Vị Khê)	1,5
2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>3</b> Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố thuộc Phần I	<b>Trục đường cầu Miếu - Vị Khê:</b> Các thửa đất bám mặt đường hết địa phận xã	1,5

STT	VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019	TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	HỆ SỐ (LẦN)
3	Vị trí 1 và Vị trí 2 thuộc Phần II gồm mục: 1	Các tuyến đường liên thôn: thửa đất bám mặt đường	1,3
4	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường	1,3
5	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>IV</b>	<b>XÃ TIỀN PHONG (XÃ ĐỒNG BẰNG)</b>		
1		Trục đường thị xã đi Tiên Phong: đoạn từ giáp Liên Vị đến chân đê	
1.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 1 và Vị trí 2 của các trục đường, tuyến phố	Các thửa đất bám trục đường: đoạn từ giáp Liên Vị đến cầu Tiên Phong	1,4
1.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 2	Các thửa đất bám trục đường: đoạn từ giáp cầu Tiên Phong đến chân đê	1,5
2		Các tuyến đường liên thôn: thửa đất bám mặt đường	1,2
3	Các vị trí còn lại	Vị trí 3 và Vị trí còn lại	1,2
<b>V</b>	<b>XÃ TIỀN AN (XÃ TRUNG DU)</b>		
1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 1	Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biểu Nghi - Bến Rừng): thửa đất bám mặt đường	1,6
2		Trục đường Chợ Rộc - Bến Giang - Hoàng Tân:	
2.1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 2 (mục 2.1)	Thửa đất bám mặt đường đoạn từ giáp đường Quảng Yên đến cầu Chợ Rộc	1,6
2.2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 2 (từ 2.2 đến 2.5)	Thửa đất bám mặt đường đoạn từ giáp cầu Chợ Rộc đến ngã ba đi Hà An, Tân An	1,6
3	Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: 1 đến 20 Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các tuyến đường liên thôn, xóm: thửa đất bám mặt đường	1,3
4	Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố	Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m: Các thửa đất bám trục đường	1,3
5	Các vị trí còn lại	Các thửa đất thuộc vị trí còn lại	1,2
<b>VI</b>	<b>XÃ HIỆP HÒA (XÃ TRUNG DU)</b>		
1	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 5; 6	Trục đường Tỉnh lộ 338 (tuyến Cầu Sông Chanh - Ưông Bí): thửa đất bám mặt đường	1,8
2	Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: 1 đến 4 Vị trí 2 thuộc Phần I gồm mục: 1.1; 1.3	Trục đường liên xã, phường: Quảng Yên - Hiệp Hòa - Sông Khoai: các thửa đất bám mặt đường	1,6

		<b>VỊ TRÍ THEO BẢNG GIÁ ĐẤT 5 NĂM THỰC HIỆN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/12/2019</b>		<b>TÊN CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ</b>		<b>HỆ SỐ (LÂN)</b>	
Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1 đến 4</b>		Vị trí 2 thuộc Phần I gồm mục: <b>1.4; 2; 3; 4; 5; 6</b> và Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố còn lại		<b>Các tuyến đường liên thôn, xóm:</b> thửa đất bám mặt đường và các thửa đất bám mặt đường nhánh từ đường phố chính có mặt đường rộng từ 3m trở lên		1,4	
Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố		<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường		1,3		1,2	
<b>Các vị trí còn lại</b>		<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>		1,2			
<b>VII XÃ SÔNG KHOAI (XÃ TRUNG DU)</b>							
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>4</b>		<b>Trục đường Tỉnh lộ 338 (tuyến Cầu Sông Chanh Ưông Bí):</b> thửa đất bám mặt đường		1,8			
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>3</b>		<b>Trục đường Tỉnh lộ 331 (tuyến Biều Nghi - Bến Rừng):</b> Các thửa đất bám mặt đường		1,4			
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 đến 2</b>		<b>Trục đường liên xã, phường: Quảng Yên - Hiệp Hòa - Sông Khoai:</b> các thửa đất bám mặt đường		1,5			
Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1</b>		<b>Các tuyến đường liên thôn tiếp giáp Tỉnh lộ 331 - Tỉnh lộ 338:</b> thửa đất bám mặt đường		1,5			
Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố		<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường		1,4			
Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố		<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>		1,2			
<b>VIII XÃ HOÀNG TÂN (XÃ MIỀN NÚI)</b>							
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1 (từ 1.1 đến 1.2)</b>		<b>Trục đường Chợ Rộc - Bến Giang - Hoàng Tân:</b> thửa đất bám mặt đường đoạn từ tiếp giáp Tân An đến ngã tư trung tâm xã		1,3			
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1.1</b>		Các thửa đất giáp phường Tân An đến Ngã tư Trung tâm xã		1,5			
Vị trí 1 thuộc Phần I gồm mục: <b>1.2</b>		Các thửa đất từ Nhà văn hóa thôn 3 đến Ngã tư Trung tâm xã		1,4			
Vị trí 1 thuộc Phần II gồm mục: <b>1 đến 7</b>		<b>Trục đường liên thôn, xóm</b>		1,2			
Vị trí 2 thuộc các trục đường, tuyến phố		<b>Các tuyến đường liên thôn, xóm:</b> thửa đất bám mặt đường		1,3			
Vị trí 3 thuộc các trục đường, tuyến phố		<b>Các trục đường còn lại có mặt đường rộng từ 2m đến dưới 3m:</b> Các thửa đất bám trục đường		1,2			
<b>Các vị trí còn lại</b>		<b>Các thửa đất thuộc vị trí còn lại</b>		1,2			